

Số: 38 /2024/NQ-HĐND

Yên Bái, ngày 11 tháng 7 năm 2024

NGHỊ QUYẾT

Sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy định về phân cấp thẩm quyền quyết định trong việc quản lý, sử dụng tài sản công tại các cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc phạm vi quản lý của tỉnh Yên Bái ban hành kèm theo Nghị quyết số 15/2018/NQ-HĐND ngày 02 tháng 8 năm 2018 của Hội đồng nhân dân tỉnh Yên Bái

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH YÊN BÁI
KHOÁ XIX - KỲ HỌP THỨ 17**

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 6 năm 2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 18 tháng 6 năm 2020;

Căn cứ Luật Quản lý, sử dụng tài sản công ngày 21 tháng 6 năm 2017;

Căn cứ Nghị định số 34/2016/NĐ-CP ngày 14 tháng 5 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật; Nghị định số 154/2020/NĐ-CP ngày 21 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 34/2016/NĐ-CP ngày 14 tháng 5 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật; Nghị định số 59/2024/NĐ-CP ngày 25 tháng 5 năm 2024 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 34/2016/NĐ-CP ngày 14 tháng 5 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật đã được sửa đổi, bổ sung một số điều theo Nghị định số 154/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ;

Căn cứ Nghị định số 129/2017/NĐ-CP ngày 16 tháng 11 năm 2017 của Chính phủ quy định việc quản lý, sử dụng và khai thác tài sản kết cấu hạ tầng thủy lợi;

Căn cứ Nghị định số 151/2017/NĐ-CP ngày 26 tháng 12 năm 2017 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Quản lý, sử dụng tài sản công;

Căn cứ Nghị định số 29/2018/NĐ-CP ngày 05 tháng 3 năm 2018 của Chính phủ quy định trình tự, thủ tục xác lập quyền sở hữu toàn dân về tài sản và xử lý đối với tài sản được xác lập quyền sở hữu toàn dân;

Căn cứ Nghị định số 24/2024/NĐ-CP ngày 27 tháng 02 năm 2024 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Đấu thầu về lựa chọn nhà thầu;

Căn cứ Thông tư số 144/2017/TT-BTC ngày 29 tháng 12 năm 2017 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn một số nội dung của Nghị định số 151/2017/NĐ-CP ngày 26 tháng 12 năm 2017 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Quản lý, sử dụng tài sản công;

Xét Tờ trình số 77/TTr-UBND ngày 05 tháng 7 năm 2024 của Ủy ban nhân dân tỉnh Yên Bái về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy định về phân cấp thẩm quyền quyết định trong việc quản lý, sử dụng tài sản công tại các cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc phạm vi quản lý của tỉnh Yên Bái ban hành kèm theo Nghị quyết số 15/2018/NQ-HĐND ngày 02 tháng 8 năm 2018 của Hội đồng nhân dân tỉnh Yên Bái; Báo cáo thẩm tra số 114/BC-BKTNS ngày 08 tháng 7 năm 2024 của Ban Kinh tế - Ngân sách; ý kiến thảo luận của đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh tại kỳ họp.

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy định về phân cấp thẩm quyền quyết định trong việc quản lý, sử dụng tài sản công tại các cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc phạm vi quản lý của tỉnh Yên Bái ban hành kèm theo Nghị quyết số 15/2018/NQ-HĐND ngày 02 tháng 8 năm 2018 của Hội đồng nhân dân tỉnh Yên Bái

1. Sửa đổi, bổ sung khoản 1 Điều 1 như sau:

“1. Quy định này quy định về phân cấp thẩm quyền quyết định trong việc quản lý, sử dụng tài sản công bao gồm: Thẩm quyền quyết định mua sắm tài sản công, thuê tài sản công, xử lý tài sản công (thu hồi, điều chuyển, bán, thanh lý, tiêu hủy, xử lý tài sản công trong trường hợp bị mất, bị hủy hoại), xử lý tài sản phục vụ hoạt động của dự án sử dụng vốn nhà nước; thẩm quyền quyết định quản lý, sử dụng và khai thác tài sản kết cấu hạ tầng thủy lợi; thẩm quyền xác lập quyền sở hữu toàn dân về tài sản và phê duyệt phương án xử lý đối với tài sản được xác lập quyền sở hữu toàn dân; thẩm quyền quyết định việc mua sắm tài sản của các nhiệm vụ khoa học và công nghệ sử dụng ngân sách nhà nước đối với nguồn kinh phí thuộc phạm vi quản lý của địa phương.”

2. Sửa đổi, bổ sung Điều 4 như sau:

“Điều 4. Thẩm quyền quyết định mua sắm tài sản công

1. Thẩm quyền quyết định mua sắm tài sản công (trừ mua sắm tài sản công theo dự án đầu tư) từ nguồn dự toán ngân sách nhà nước và các nguồn kinh phí hợp pháp khác như sau:

a) Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định mua sắm tài sản, gồm:

Trụ sở làm việc, cơ sở hoạt động sự nghiệp, xe ô tô thuộc phạm vi quản lý của địa phương từ tất cả các nguồn kinh phí.

Tài sản (trừ trụ sở làm việc, cơ sở hoạt động sự nghiệp, xe ô tô) của các cơ quan, đơn vị, tổ chức có giá trị từ 3.000 triệu đồng trở lên/01 lần mua tài sản từ nguồn ngân sách Nhà nước.

Tài sản (trừ trụ sở làm việc, cơ sở hoạt động sự nghiệp, xe ô tô) có giá trị từ 3.000 triệu đồng trở lên/01 lần mua tài sản từ nguồn Quỹ phát triển hoạt động sự nghiệp và từ nguồn vốn vay, vốn huy động của đơn vị sự nghiệp công lập (trừ đơn vị sự nghiệp công lập tự bảo đảm chi thường xuyên và chi đầu tư).

b) Thủ trưởng các sở, ban, ngành, tổ chức cấp tỉnh và đơn vị sự nghiệp công lập cấp tỉnh được Ủy ban nhân dân tỉnh trực tiếp giao dự toán ngân sách (sau đây gọi tắt là sở, ban, ngành, tổ chức, đơn vị cấp tỉnh), quyết định mua sắm tài sản (trừ tài sản quy định tại điểm a khoản 1 Điều này), gồm:

Tài sản có giá trị dưới 3.000 triệu đồng/01 lần mua tài sản do đơn vị trực tiếp quản lý, sử dụng từ nguồn ngân sách nhà nước, nguồn Quỹ phát triển hoạt động sự nghiệp và từ nguồn vốn vay, vốn huy động (trừ trường hợp quy định tại điểm đ khoản 1 Điều này).

Tài sản có giá trị từ 500 triệu đồng trở lên đến dưới 3.000 triệu đồng/01 lần mua tài sản từ nguồn ngân sách nhà nước của các cơ quan, tổ chức, đơn vị dự toán trực thuộc.

Tài sản có giá trị từ 500 triệu đồng trở lên đến dưới 3.000 triệu đồng/01 lần mua sắm tài sản từ nguồn Quỹ phát triển hoạt động sự nghiệp và từ nguồn vốn vay, vốn huy động của đơn vị sự nghiệp công lập trực thuộc (trừ trường hợp quy định tại điểm đ khoản 1 Điều này).

c) Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện quyết định mua sắm tài sản, gồm:

Tài sản (trừ tài sản quy định tại điểm a khoản 1 Điều này), có giá trị từ 500 triệu đồng trở lên đến dưới 3.000 triệu đồng/01 lần mua tài sản từ nguồn ngân sách nhà nước của các cơ quan, tổ chức, đơn vị dự toán thuộc phạm vi quản lý.

Tài sản có giá trị từ 500 triệu đồng trở lên đến dưới 3.000 triệu đồng/01 lần mua sắm tài sản từ nguồn Quỹ phát triển hoạt động sự nghiệp và từ nguồn vốn vay,

vốn huy động của đơn vị sự nghiệp công lập trực thuộc (trừ trường hợp quy định tại điểm đ khoản 1 Điều này).

d) Thủ trưởng các cơ quan, tổ chức, đơn vị dự toán trực thuộc sở, ban, ngành, tổ chức, đơn vị cấp tỉnh; Thủ trưởng các cơ quan, tổ chức, đơn vị dự toán trực thuộc Ủy ban nhân dân cấp huyện; Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã quyết định mua sắm tài sản (trừ tài sản quy định tại điểm a khoản 1 Điều này) có giá trị dưới 500 triệu đồng/01 lần mua tài sản từ nguồn ngân sách nhà nước, Quỹ phát triển hoạt động sự nghiệp và các nguồn kinh phí hợp pháp khác của đơn vị.

đ) Thẩm quyền quyết định mua sắm tài sản (trừ tài sản quy định tại điểm a khoản 1 Điều này) của đơn vị sự nghiệp công lập tự bảo đảm một phần chi thường xuyên; đơn vị sự nghiệp công lập tự bảo đảm chi thường xuyên; đơn vị sự nghiệp công lập tự bảo đảm chi thường xuyên và chi đầu tư từ Quỹ phát triển hoạt động sự nghiệp và từ nguồn vốn vay, vốn huy động theo chế độ quy định để phục vụ cho các hoạt động sự nghiệp và hoạt động sản xuất kinh doanh, dịch vụ của đơn vị thực hiện như sau:

Thủ trưởng đơn vị sự nghiệp công lập tự bảo đảm chi thường xuyên và chi đầu tư, quyết định mua sắm tài sản theo chế độ quy định.

Thủ trưởng đơn vị sự nghiệp công lập tự bảo đảm chi thường xuyên, quyết định mua sắm tài sản có giá trị dưới 3.000 triệu đồng/01 lần mua tài sản.

Thủ trưởng đơn vị sự nghiệp công lập tự bảo đảm một phần chi thường xuyên (trừ đơn vị sự nghiệp công lập trực thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh), quyết định mua sắm tài sản có giá trị dưới 1.000 triệu đồng/01 lần mua tài sản.

Trường hợp đơn vị sự nghiệp công lập sử dụng nhiều nguồn kinh phí để mua sắm tài sản, trong đó có nguồn ngân sách nhà nước, thì thẩm quyền quyết định mua sắm được thực hiện theo quy định tại điểm a, b, c và d khoản 1 Điều này.

2. Đối với tài sản mua sắm theo phương thức tập trung: Thẩm quyền quyết định mua sắm thực hiện theo quy định tại khoản 1 Điều này. Quy trình thực hiện mua sắm tập trung được thực hiện theo quy định của pháp luật về quản lý, sử dụng tài sản công, pháp luật về đấu thầu; danh mục tài sản mua sắm tập trung, đơn vị mua sắm tập trung thực hiện theo quy định và phân cấp của Ủy ban nhân dân tỉnh.

3. Việc bố trí dự toán ngân sách nhà nước và tổ chức thực hiện mua sắm tài sản được thực hiện theo quy định của pháp luật về ngân sách nhà nước, pháp luật về đấu thầu và pháp luật có liên quan.”

3. Sửa đổi, bổ sung Điều 8 như sau:

“Điều 8. Thẩm quyền quyết định bán tài sản công

1. Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định bán tài sản công bao gồm:

a) Trụ sở làm việc, cơ sở hoạt động sự nghiệp và tài sản khác gắn liền với đất (bao gồm cả quyền sử dụng đất), xe ô tô, tài sản kết cấu hạ tầng thủy lợi, tài sản

của các dự án sử dụng vốn nhà nước của các cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc phạm vi quản lý của địa phương.

b) Tài sản (trừ tài sản quy định tại điểm a khoản 1 Điều này) được hình thành từ nguồn ngân sách nhà nước có nguyên giá theo sổ kế toán từ 500 triệu đồng trở lên/01 lần bán tài sản của các cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc phạm vi quản lý.

2. Thủ trưởng các sở, ban, ngành, tổ chức, đơn vị cấp tỉnh quyết định bán tài sản (trừ tài sản quy định tại khoản 1 Điều này) được hình thành từ nguồn ngân sách nhà nước có nguyên giá theo sổ kế toán dưới 500 triệu đồng/01 lần bán tài sản của đơn vị và tài sản tại các cơ quan, tổ chức, đơn vị dự toán thuộc phạm vi quản lý sau khi có ý kiến thống nhất bằng văn bản của Sở Tài chính.

3. Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện quyết định bán tài sản (trừ tài sản quy định tại khoản 1 Điều này) được hình thành từ nguồn ngân sách nhà nước có nguyên giá theo sổ kế toán dưới 500 triệu đồng/01 lần bán tài sản tại các cơ quan, tổ chức, đơn vị dự toán thuộc phạm vi quản lý.

4. Thủ trưởng đơn vị sự nghiệp công lập quyết định bán tài sản (trừ tài sản quy định tại khoản 1 Điều này) được hình thành từ nguồn Quỹ phát triển hoạt động sự nghiệp và từ nguồn vốn vay, vốn huy động theo quy định, sau khi có ý kiến thống nhất bằng văn bản của cơ quan tài chính cùng cấp.

5. Trường hợp đơn vị sự nghiệp công lập quyết định bán tài sản (trừ tài sản quy định tại khoản 1 Điều này) được hình thành từ nhiều nguồn kinh phí, trong đó có nguồn ngân sách nhà nước thì thẩm quyền quyết định bán tài sản được thực hiện theo quy định tại khoản 1, 2 và 3 Điều này.”

4. Sửa đổi, bổ sung Điều 9 như sau:

“Điều 9. Thẩm quyền quyết định thanh lý tài sản công

1. Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định thanh lý đối với các tài sản, gồm:

a) Trụ sở làm việc, cơ sở hoạt động sự nghiệp và tài sản khác gắn liền với đất, xe ô tô, tài sản kết cấu hạ tầng thủy lợi, tài sản của các dự án sử dụng vốn nhà nước của các cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc phạm vi quản lý của địa phương.

b) Tài sản (trừ tài sản quy định tại điểm a khoản 1 Điều này) có nguyên giá theo sổ kế toán từ 3.000 triệu đồng trở lên/01 lần thanh lý tài sản của các cơ quan, tổ chức, đơn vị và tài sản khác có nguyên giá theo sổ kế toán từ 500 triệu đồng trở lên/01 đơn vị tài sản đối với đơn vị sự nghiệp công lập thuộc phạm vi quản lý.

2. Thủ trưởng các sở, ban, ngành, tổ chức, đơn vị cấp tỉnh quyết định thanh lý tài sản (trừ tài sản quy định tại khoản 1 Điều này) có nguyên giá theo sổ kế toán dưới 3.000 triệu đồng/01 lần thanh lý đối với tài sản của đơn vị và tài sản khác có nguyên giá theo sổ kế toán từ 500 triệu đồng đến dưới 3.000 triệu đồng/01 lần thanh lý tài sản và của các cơ quan, tổ chức, đơn vị dự toán trực thuộc không bao

gồm đơn vị sự nghiệp công lập, sau khi có ý kiến thống nhất bằng văn bản của Sở Tài chính.

3. Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện quyết định thanh lý tài sản là trụ sở làm việc, cơ sở hoạt động sự nghiệp và các tài sản khác gắn liền với đất trong trường hợp phá dỡ giải phóng mặt bằng để thực hiện dự án đầu tư, xây dựng theo quy hoạch, dự án đã được cơ quan nhà nước có thẩm quyền phê duyệt; tài sản (trừ tài sản quy định tại khoản 1 Điều này) có nguyên giá theo sổ kế toán từ 500 triệu đồng đến dưới 3.000 triệu đồng/01 lần thanh lý tài sản của các cơ quan, tổ chức, đơn vị dự toán thuộc phạm vi quản lý không bao gồm đơn vị sự nghiệp công lập.

4. Thủ trưởng các cơ quan, tổ chức, đơn vị dự toán trực thuộc sở, ban, ngành, tổ chức, đơn vị cấp tỉnh; Thủ trưởng các cơ quan, tổ chức, đơn vị dự toán trực thuộc Ủy ban nhân dân cấp huyện trực tiếp sử dụng tài sản không bao gồm đơn vị sự nghiệp công lập quyết định thanh lý tài sản (trừ tài sản quy định tại khoản 1 Điều này) có nguyên giá theo sổ kế toán dưới 500 triệu đồng/01 lần thanh lý tài sản, sau khi có ý kiến thống nhất bằng văn bản của cơ quan tài chính cùng cấp.

5. Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã quyết định thanh lý tài sản (trừ tài sản quy định tại khoản 1 Điều này) có nguyên giá theo sổ kế toán dưới 500 triệu đồng/01 lần thanh lý tài sản, sau khi có ý kiến thống nhất bằng văn bản của Phòng Tài chính - Kế hoạch cấp huyện.

6. Thủ trưởng đơn vị sự nghiệp công lập quyết định thanh lý tài sản (trừ tài sản quy định tại khoản 1 Điều này) có nguyên giá theo sổ kế toán dưới 500 triệu đồng/01 đơn vị tài sản, sau khi có ý kiến thống nhất bằng văn bản của cơ quan tài chính cùng cấp.”

5. Bổ sung Điều 14a sau Điều 14 như sau:

“Điều 14a. Thẩm quyền quyết định việc mua sắm tài sản của các nhiệm vụ khoa học và công nghệ sử dụng ngân sách nhà nước đối với nguồn kinh phí thuộc phạm vi quản lý của địa phương

1. Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định việc mua sắm đối với các tài sản, gồm:

- a) Trụ sở làm việc, cơ sở hoạt động sự nghiệp, xe ô tô.
- b) Tài sản khác có giá trị từ 3.000 triệu đồng trở lên/01 lần mua tài sản.

2. Giám đốc Sở Khoa học và Công nghệ quyết định việc mua sắm tài sản khác (trừ tài sản quy định tại điểm a khoản 1 Điều này) có giá trị từ 500 triệu đồng trở lên đến dưới 3.000 triệu đồng/01 lần mua tài sản.

3. Thủ trưởng các cơ quan, tổ chức, đơn vị chủ trì thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ quyết định việc mua sắm tài sản khác (trừ tài sản quy định tại điểm a khoản 1 Điều này) có giá trị dưới 500 triệu đồng/01 lần mua tài sản.”

Điều 2. Tổ chức thực hiện

1. Giao Ủy ban nhân dân tỉnh tổ chức thực hiện Nghị quyết này theo đúng quy định của pháp luật.

2. Giao Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh, các ban của Hội đồng nhân dân tỉnh, các tổ đại biểu và đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh giám sát việc thực hiện Nghị quyết này.

Điều 3. Điều khoản thi hành

1. Nghị quyết này thay thế Nghị quyết số 38/2022/NQ-HĐND ngày 19 tháng 10 năm 2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy định về phân cấp thẩm quyền quyết định trong việc quản lý, sử dụng tài sản công tại các cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc phạm vi quản lý của tỉnh Yên Bái ban hành kèm theo Nghị quyết số 15/2018/NQ-HĐND ngày 02 tháng 8 năm 2018 của Hội đồng nhân dân tỉnh Yên Bái.

2. Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân tỉnh Yên Bái khoá XIX - Kỳ họp thứ 17 thông qua ngày 11 tháng 7 năm 2024 và có hiệu lực thi hành kể từ ngày 21 tháng 7 năm 2024.

Nơi nhận: *TT*

- Ủy ban Thường vụ Quốc hội;
- Chính phủ;
- Bộ Tài chính;
- Cục Kiểm tra văn bản QPPL (Bộ Tư pháp);
- Thường trực Tỉnh ủy;
- Thường trực HĐND tỉnh;
- Ủy ban nhân dân tỉnh;
- Đoàn đại biểu Quốc hội tỉnh;
- Ủy ban MTTQ Việt Nam tỉnh;
- Các ban của HĐND tỉnh;
- Các sở, ban, ngành, đoàn thể tỉnh;
- Các đại biểu HĐND tỉnh;
- HĐND các huyện, thị xã, thành phố;
- UBND các huyện, thị xã, thành phố;
- Văn phòng Tỉnh ủy;
- Văn phòng Đoàn ĐBQH và HĐND tỉnh;
- Văn phòng UBND tỉnh;
- Lưu: VT.

CHỦ TỊCH



Tạ Văn Long